

TP Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 12 năm 2025

BẢNG KÊ HÓA ĐƠN THÁNG 11/2025
Số: 01112025/BKHD/NT-EB

Bên bán hàng: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ NGỌC THOM
Mã số thuế: 0309391503
Địa chỉ: 12/14/18 Đường 49, Khu phố 69, Phường Hiệp Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Đại diện: Nguyễn Bảo Thạch Chức vụ: Phó Giám đốc

Bên mua hàng: Công ty TNHH dịch vụ EB
Mã số thuế: 0105696842
Địa chỉ: Số 163, Đường Phan Đăng Lưu, Phường Cầu Kiệu, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Đại diện: Chức vụ:

STT	Số hóa đơn	Ký hiệu	Ngày hóa đơn	Tên khách hàng	Thành tiền trước thuế	Tiền thuế GTGT	Tổng thanh toán
1	00063291	1C25TNN	29/09/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	91,072	7,286	98,358
2	00064782	1C25TNN	03/10/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	5,329,888	426,391	5,756,279
3	00071137	1C25TNN	27/10/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	802,928	64,234	867,162
4	00072358	1C25TNN	30/10/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	4,106,968	328,557	4,435,525
5	00072924	1C25TNN	01/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	1,449,072	115,926	1,564,998
6	00072925	1C25TNN	01/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	2,496,680	199,734	2,696,414
7	00072957	1C25TNN	03/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	2,408,042	192,643	2,600,685
8	00072958	1C25TNN	03/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	3,653,260	292,261	3,945,521
9	00072959	1C25TNN	03/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	2,450,920	196,074	2,646,994
10	00072960	1C25TNN	03/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	3,870,964	309,677	4,180,641
11	00072997	1C25TNN	03/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	3,007,116	240,569	3,247,685
12	00072998	1C25TNN	03/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	1,248,340	99,867	1,348,207
13	00072999	1C25TNN	03/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	2,697,412	215,793	2,913,205
14	00073000	1C25TNN	03/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	2,806,384	224,511	3,030,895
15	00073001	1C25TNN	03/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	2,394,192	191,535	2,585,727
16	00073002	1C25TNN	03/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	2,421,892	193,751	2,615,643
17	00073003	1C25TNN	03/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	1,604,044	128,324	1,732,368
18	00073004	1C25TNN	03/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	5,320,276	425,622	5,745,898
19	00073005	1C25TNN	03/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	7,199,840	575,987	7,775,827
20	00073006	1C25TNN	03/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	1,512,044	120,964	1,633,008
21	00073007	1C25TNN	03/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	2,114,240	169,139	2,283,379
22	00073008	1C25TNN	03/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	2,114,240	169,139	2,283,379
23	00073009	1C25TNN	03/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	1,110,580	88,846	1,199,426
24	00073010	1C25TNN	03/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	602,196	48,176	650,372
25	00073011	1C25TNN	03/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	2,421,892	193,751	2,615,643
26	00073012	1C25TNN	03/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	1,110,580	88,846	1,199,426
27	00073013	1C25TNN	03/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	1,110,580	88,846	1,199,426
28	00073017	1C25TNN	03/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	1,248,340	99,867	1,348,207
29	00073050	1C25TNN	04/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	3,971,330	317,706	4,289,036
30	00073091	1C25TNN	05/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	1,248,340	99,867	1,348,207

STT	Số hóa đơn	Ký hiệu	Ngày hóa đơn	Tên khách hàng	Thành tiền trước thuế	Tiền thuế GTGT	Tổng thanh toán
31	00073099	1C25TNN	05/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	1,649,804	131,984	1,781,788
32	00073100	1C25TNN	05/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	4,044,236	323,539	4,367,775
33	00073114	1C25TNN	05/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	3,098,876	247,910	3,346,786
34	00073115	1C25TNN	05/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	1,311,312	104,905	1,416,217
35	00073116	1C25TNN	05/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	1,248,340	99,867	1,348,207
36	00073117	1C25TNN	05/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	2,496,680	199,734	2,696,414
37	00073118	1C25TNN	05/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	3,370,680	269,654	3,640,334
38	00073124	1C25TNN	05/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	3,854,232	308,339	4,162,571
39	00073126	1C25TNN	05/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	3,597,012	287,761	3,884,773
40	00028681		06/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	-1,613,949	-129,116	-1,743,065
41	00073189	1C25TNN	06/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	2,358,920	188,714	2,547,634
42	00073383	1C25TNN	06/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	1,821,360	145,709	1,967,069
43	00074325	1C25TNN	06/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	910,680	72,854	983,534
44	00074326	1C25TNN	06/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	2,831,480	226,518	3,057,998
45	00074327	1C25TNN	06/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	472,560	37,805	510,365
46	00074328	1C25TNN	06/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	910,680	72,854	983,534
47	00074329	1C25TNN	06/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	1,821,360	145,709	1,967,069
48	00074343	1C25TNN	06/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	3,935,504	314,840	4,250,344
49	00074344	1C25TNN	06/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	910,680	72,854	983,534
50	00074345	1C25TNN	06/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	2,239,460	179,157	2,418,617
51	00074346	1C25TNN	06/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	910,680	72,854	983,534
52	00074347	1C25TNN	06/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	910,680	72,854	983,534
53	00074348	1C25TNN	06/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	2,732,040	218,563	2,950,603
54	00074353	1C25TNN	06/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	3,858,732	308,699	4,167,431
55	00074354	1C25TNN	06/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	1,449,072	115,926	1,564,998
56	00074355	1C25TNN	06/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	3,725,904	298,072	4,023,976
57	00028930		07/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	-273,201	-21,856	-295,057
58	00074369	1C25TNN	07/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	3,782,012	302,561	4,084,573
59	00074371	1C25TNN	07/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	2,092,952	167,436	2,260,388
60	00029245		10/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	-184,000	-14,720	-198,720
61	00074874	1C25TNN	10/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	910,680	72,854	983,534
62	00074875	1C25TNN	10/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	2,379,320	190,346	2,569,666
63	00074876	1C25TNN	10/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	910,680	72,854	983,534
64	00074877	1C25TNN	10/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	2,981,516	238,521	3,220,037
65	00074878	1C25TNN	10/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	2,810,052	224,804	3,034,856
66	00074879	1C25TNN	10/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	910,680	72,854	983,534
67	00074880	1C25TNN	10/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	2,413,760	193,101	2,606,861
68	00074881	1C25TNN	10/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	910,680	72,854	983,534
69	00074882	1C25TNN	10/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	5,887,760	471,021	6,358,781
70	00074883	1C25TNN	10/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	1,512,876	121,030	1,633,906

STT	Số hóa đơn	Ký hiệu	Ngày hóa đơn	Tên khách hàng	Thành tiền trước thuế	Tiền thuế GTGT	Tổng thanh toán
71	00074884	1C25TNN	10/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	602,196	48,176	650,372
72	00074885	1C25TNN	10/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	1,512,876	121,030	1,633,906
73	00074886	1C25TNN	10/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	1,312,144	104,972	1,417,116
74	00074887	1C25TNN	10/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	3,755,172	300,414	4,055,586
75	00074888	1C25TNN	10/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	1,111,412	88,913	1,200,325
76	00029525		11/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	-138,000	-11,040	-149,040
77	00029501		11/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	-62,417	-4,993	-67,410
78	00029579		11/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	-338,732	-27,099	-365,831
79	00029578		11/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	-333,570	-26,686	-360,256
80	00074978	1C25TNN	11/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	1,881,280	150,502	2,031,782
81	00074979	1C25TNN	11/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	2,752,492	220,199	2,972,691
82	00074980	1C25TNN	11/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	2,160,092	172,807	2,332,899
83	00074981	1C25TNN	11/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	910,680	72,854	983,534
84	00074982	1C25TNN	11/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	3,755,172	300,414	4,055,586
85	00074983	1C25TNN	11/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	2,937,280	234,982	3,172,262
86	00075014	1C25TNN	12/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	1,914,340	153,147	2,067,487
87	00075029	1C25TNN	12/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	2,937,280	234,982	3,172,262
88	00075035	1C25TNN	12/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	1,955,835	156,467	2,112,302
89	00075096	1C25TNN	12/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	3,153,956	252,316	3,406,272
90	00075098	1C25TNN	12/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	910,680	72,854	983,534
91	00075099	1C25TNN	12/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	3,476,744	278,140	3,754,884
92	00076015	1C25TNN	13/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	910,680	72,854	983,534
93	00076016	1C25TNN	13/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	2,810,052	224,804	3,034,856
94	00076017	1C25TNN	13/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	4,194,720	335,578	4,530,298
95	00076018	1C25TNN	13/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	1,821,360	145,709	1,967,069
96	00076019	1C25TNN	13/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	4,970,144	397,612	5,367,756
97	00076020	1C25TNN	13/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	2,330,104	186,408	2,516,512
98	00076021	1C25TNN	13/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	1,821,360	145,709	1,967,069
99	00076022	1C25TNN	13/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	910,680	72,854	983,534
100	00076030	1C25TNN	14/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	3,939,960	315,197	4,255,157
101	00076039	1C25TNN	14/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	910,680	72,854	983,534
102	00076040	1C25TNN	14/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	1,346,584	107,727	1,454,311
103	00076637	1C25TNN	14/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	200,732	16,059	216,791
104	00076652	1C25TNN	15/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	3,801,172	304,094	4,105,266
105	00076673	1C25TNN	15/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	1,669,372	133,550	1,802,922
106	00076674	1C25TNN	15/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	910,680	72,854	983,534
107	00076676	1C25TNN	15/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	910,680	72,854	983,534
108	00076682	1C25TNN	15/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	1,570,580	125,646	1,696,226
109	00076683	1C25TNN	15/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	910,680	72,854	983,534
110	00076723	1C25TNN	17/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	1,855,800	148,464	2,004,264

STT	Số hóa đơn	Ký hiệu	Ngày hóa đơn	Tên khách hàng	Thành tiền trước thuế	Tiền thuế GTGT	Tổng thanh toán
111	00076734	1C25TNN	17/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	1,669,372	133,550	1,802,922
112	00076735	1C25TNN	17/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	1,145,852	91,668	1,237,520
113	00076772	1C25TNN	17/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	1,704,920	136,394	1,841,314
114	00076773	1C25TNN	17/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	2,379,320	190,346	2,569,666
115	00076774	1C25TNN	17/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	2,580,052	206,404	2,786,456
116	00076775	1C25TNN	17/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	3,490,732	279,259	3,769,991
117	00076776	1C25TNN	17/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	9,644,700	771,576	10,416,276
118	00076777	1C25TNN	17/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	200,732	16,059	216,791
119	00076778	1C25TNN	17/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	2,932,772	234,622	3,167,394
120	00076779	1C25TNN	17/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	2,732,040	218,563	2,950,603
121	00076780	1C25TNN	17/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	2,423,556	193,884	2,617,440
122	00076781	1C25TNN	17/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	1,405,124	112,410	1,517,534
123	00076782	1C25TNN	17/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	2,732,040	218,563	2,950,603
124	00076784	1C25TNN	17/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	2,315,804	185,264	2,501,068
125	00076785	1C25TNN	17/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	910,680	72,854	983,534
126	00076786	1C25TNN	17/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	1,821,360	145,709	1,967,069
127	00076787	1C25TNN	17/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	1,111,412	88,913	1,200,325
128	00076788	1C25TNN	17/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	910,680	72,854	983,534
129	00076789	1C25TNN	17/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	3,282,612	262,609	3,545,221
130	00076790	1C25TNN	17/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	1,821,360	145,709	1,967,069
131	00076791	1C25TNN	17/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	1,512,876	121,030	1,633,906
132	00076792	1C25TNN	17/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	910,680	72,854	983,534
133	00076823	1C25TNN	18/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	3,015,956	241,276	3,257,232
134	00076825	1C25TNN	18/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	2,655,320	212,426	2,867,746
135	00076838	1C25TNN	18/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	910,680	72,854	983,534
136	00029933	1K25TRT	19/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	-333,174	-26,654	-359,828
137	00076938	1C25TNN	19/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	2,007,316	160,585	2,167,901
138	00076973	1C25TNN	19/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	2,257,264	180,581	2,437,845
139	00076974	1C25TNN	19/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	2,872,784	229,823	3,102,607
140	00076975	1C25TNN	19/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	5,669,320	453,546	6,122,866
141	00076976	1C25TNN	19/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	2,281,360	182,509	2,463,869
142	00076991	1C25TNN	19/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	1,111,412	88,913	1,200,325
143	00077901	1C25TNN	20/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	2,844,492	227,559	3,072,051
144	00077902	1C25TNN	20/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	4,275,476	342,038	4,617,514
145	00077903	1C25TNN	20/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	3,706,744	296,540	4,003,284
146	00077904	1C25TNN	20/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	1,468,640	117,491	1,586,131
147	00077905	1C25TNN	20/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	1,468,640	117,491	1,586,131
148	00077906	1C25TNN	20/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	2,413,760	193,101	2,606,861
149	00077907	1C25TNN	20/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	910,680	72,854	983,534
150	00077929	1C25TNN	20/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	3,709,172	296,734	4,005,906

STT	Số hóa đơn	Ký hiệu	Ngày hóa đơn	Tên khách hàng	Thành tiền trước thuế	Tiền thuế GTGT	Tổng thanh toán
151	00077930	1C25TNN	20/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	3,197,212	255,777	3,452,989
152	00077963	1C25TNN	21/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	1,468,640	117,491	1,586,131
153	00078352	1C25TNN	22/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	1,512,876	121,030	1,633,906
154	00078353	1C25TNN	22/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	945,120	75,610	1,020,730
155	00078359	1C25TNN	22/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	3,216,688	257,335	3,474,023
156	00078361	1C25TNN	22/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	2,593,568	207,485	2,801,053
157	00078414	1C25TNN	22/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	2,507,190	200,575	2,707,765
158	00078414	1C25TNN	22/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	501,821	40,146	541,967
159	00078422	1C25TNN	22/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	2,379,320	190,346	2,569,666
160	00078464	1C25TNN	24/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	3,240,784	259,263	3,500,047
161	00078486	1C25TNN	24/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	4,127,368	330,189	4,457,557
162	00078487	1C25TNN	24/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	4,076,196	326,096	4,402,292
163	00078488	1C25TNN	24/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	1,295,412	103,633	1,399,045
164	00078489	1C25TNN	24/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	910,680	72,854	983,534
165	00078490	1C25TNN	24/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	200,732	16,059	216,791
166	00078491	1C25TNN	24/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	2,221,372	177,710	2,399,082
167	00078492	1C25TNN	24/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	10,168,220	813,458	10,981,678
168	00078493	1C25TNN	24/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	1,111,412	88,913	1,200,325
169	00078494	1C25TNN	24/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	200,732	16,059	216,791
170	00078495	1C25TNN	24/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	802,928	64,234	867,162
171	00078496	1C25TNN	24/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	910,680	72,854	983,534
172	00078497	1C25TNN	24/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	1,204,392	96,351	1,300,743
173	00078498	1C25TNN	24/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	910,680	72,854	983,534
174	00078499	1C25TNN	24/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	910,680	72,854	983,534
175	00078500	1C25TNN	24/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	1,111,412	88,913	1,200,325
176	00078501	1C25TNN	24/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	910,680	72,854	983,534
177	00030792		25/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	-333,306	-26,664	-359,970
178	00078547	1C25TNN	25/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	2,764,052	221,124	2,985,176
179	00078561	1C25TNN	25/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	4,031,960	322,557	4,354,517
180	00078562	1C25TNN	25/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	3,368,676	269,494	3,638,170
181	00078563	1C25TNN	25/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	2,580,052	206,404	2,786,456
182	00078564	1C25TNN	25/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	3,056,784	244,543	3,301,327
183	00078565	1C25TNN	25/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	2,379,320	190,346	2,569,666
184	00030920	1K25TRT	26/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	-173,475	-13,878	-187,353
185	00078591	1C25TNN	26/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	2,054,104	164,328	2,218,432
186	00078645	1C25TNN	26/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	4,200,680	336,054	4,536,734
187	00078646	1C25TNN	26/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	472,560	37,805	510,365
188	00078690	1C25TNN	27/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	2,379,320	190,346	2,569,666
189	00079372	1C25TNN	27/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	2,580,052	206,404	2,786,456
190	00079373	1C25TNN	27/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	3,627,944	290,236	3,918,180

STT	Số hóa đơn	Ký hiệu	Ngày hóa đơn	Tên khách hàng	Thành tiền trước thuế	Tiền thuế GTGT	Tổng thanh toán
191	00079374	1C25TNN	27/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	6,105,224	488,418	6,593,642
192	00079375	1C25TNN	27/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	2,037,368	162,989	2,200,357
193	00079376	1C25TNN	27/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	3,755,172	300,414	4,055,586
194	00079377	1C25TNN	27/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	3,878,208	310,257	4,188,465
195	00079378	1C25TNN	27/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	910,680	72,854	983,534
196	00079380	1C25TNN	27/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	2,517,512	201,401	2,718,913
197	00079396	1C25TNN	28/11/2025	Công ty TNHH dịch vụ EB	2,070,836	165,667	2,236,503
Tổng cộng					429,574,402	34,365,942	463,940,344
Tổng chiết khấu (tỷ lệ 4.5%)					19,330,848	1,546,468	20,877,316

Bảng kê được lập thành 02 bản, có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 01 bản

ĐẠI DIỆN MUA HÀNG
(Ký điện tử/ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN BÁN HÀNG
(Ký điện tử/ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)